

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Quan hệ Đối ngoại
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
	Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận
	Bà Nguyễn Thị Châu	Giám đốc Quản trị Rủi Ro
	Ông Đặng Thái Bình	Giám đốc Pháp chế

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 3.181.282.142 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 24.452.954.838 VND). Trong kỳ, Tập đoàn không công bố cổ tức (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: hoàn nhập cổ tức là 26.125.039.000 VND).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho mỗi giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

La Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến trang 53. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, các qui định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi muốn lưu ý rằng chúng tôi không soát xét báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và bất kỳ các thuyết minh liên quan nào khác. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về các báo cáo này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-418 (PL)



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		620.426.407.385	602.147.302.960
Tiền	110	6	75.301.286.937	49.279.280.881
Dầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	50.000.000.000
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		214.796.816.354	168.430.815.000
Phải thu của khách hàng	131	8	192.519.049.985	150.689.094.405
Trả trước cho người bán	132		11.436.799.848	9.438.826.565
Phải thu khác	136		12.054.813.512	9.516.741.021
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.213.846.991)	(1.213.846.991)
Hàng tồn kho	140	9	206.907.154.297	256.630.078.008
Tài sản ngắn hạn khác	150		73.421.149.797	77.807.129.071
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	19.070.641.998	12.993.021.952
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.015.455.451	42.009.178.835
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	18(b)	20.203.148.191	20.203.148.191
Tài sản ngắn hạn khác	155		2.131.904.157	2.601.780.093

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		1.236.295.488.965	1.272.000.325.302
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.574.458.971	2.341.143.141
Tài sản cố định	220		1.162.574.246.788	1.207.164.774.083
Tài sản cố định hữu hình	221	10	674.131.531.949	719.221.946.335
<i>Nguyên giá</i>	222		1.243.288.969.279	1.238.993.181.336
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(569.157.437.330)	(519.771.235.001)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	206.420.490.145	204.769.918.076
<i>Nguyên giá</i>	225		277.146.696.513	261.662.643.040
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(70.726.206.368)	(56.892.724.964)
Tài sản cố định vô hình	227	12	282.022.224.694	283.172.909.672
<i>Nguyên giá</i>	228		299.524.478.627	299.362.906.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.502.253.933)	(16.189.996.455)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.871.472.852	8.459.453.546
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	14.871.472.852	8.459.453.546
Tài sản dài hạn khác	260		54.275.310.354	54.034.954.532
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	13.991.992.204	9.509.569.738
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	259.285.913	386.907.061
Tài sản dài hạn khác	268		7.155.142.223	7.973.062.223
Lợi thế thương mại	269	16	32.868.890.014	36.165.415.510
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.856.721.896.350	1.874.147.628.262

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.244.824.146.261	1.265.431.160.315
Nợ ngắn hạn	310		1.054.370.931.498	1.091.117.692.306
Phải trả người bán	311	17	135.840.788.333	133.954.479.832
Người mua trả tiền trước	312		16.696.704.545	18.939.458.086
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	18(a)	8.100.637.090	2.791.929.708
Phải trả người lao động	314		1.574.271.963	2.431.281.033
Chi phí phải trả	315	19	16.492.870.397	22.983.163.926
Phải trả khác	319	20	5.427.632.827	11.359.171.777
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21(a)	867.263.771.907	895.663.106.851
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.974.254.436	2.995.101.093
Nợ dài hạn	330		190.453.214.763	174.313.468.009
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21(b)	115.499.709.253	140.525.803.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	74.953.505.510	33.787.664.209
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		611.897.750.089	608.716.467.947
Vốn chủ sở hữu	410	22	611.897.750.089	608.716.467.947
Vốn cổ phần	411	23	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(88.088.780.000)	(88.088.780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	11.293.166.612	11.293.166.612
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	24	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.841.762.757	97.820.924.123
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	421a		97.820.924.123	107.010.803.987
- <i>LNST/(Lỗ) chưa phân phối kỳ này</i>	421b		21.020.838.634	(9.189.879.864)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(5.454.956.922)	12.384.599.570
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.856.721.896.350	1.874.147.628.262

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:

 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 La Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng	01	27	867.087.285.516	930.710.159.069
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	6.086.168.433	1.097.829.574
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	27	861.001.117.083	929.612.329.495
Giá vốn hàng bán	11	28	615.125.699.441	700.653.880.438
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		245.875.417.642	228.958.449.057
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	2.301.985.808	2.569.247.788
Chi phí tài chính	22	30	37.035.807.700	43.457.811.988
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>32.955.715.805</i>	<i>41.838.282.290</i>
Chi phí bán hàng	25	31	119.152.716.492	115.433.031.166
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	37.099.160.484	41.235.769.033
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		54.889.718.774	31.401.084.658
Thu nhập khác	31	33	2.655.513.964	827.932.125
Chi phí khác	32	34	2.677.096.186	386.515.136
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(21.582.222)	441.416.989
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.868.136.552	31.842.501.647
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	10.393.391.961	7.296.927.707
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	41.293.462.449	92.619.102
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.181.282.142	24.452.954.838

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

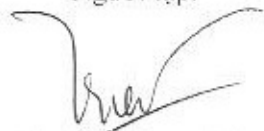
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.181.282.142	24.452.954.838
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.930.788.239	23.218.662.085
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(749.506.097)	1.234.292.753
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	81	444

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đổng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Là Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
				Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		54.868.136.552	31.842.501.647
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		68.878.214.443	64.221.703.276
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.475.398.991	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		747.926.960	231.708.216
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	52.410.480
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.867.891.224)	(1.749.102.385)
Chi phí lãi vay	06		32.955.715.805	41.838.282.290
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		157.057.501.527	136.437.503.524
Biến động các khoản phải thu	09		(35.791.292.137)	(82.840.843.897)
Biến động hàng tồn kho	10		49.722.923.711	80.327.669.608
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(11.534.901.489)	964.450.686
Biến động chi phí trả trước	12		(10.560.042.512)	(3.918.934.688)
			148.894.189.100	130.969.845.233
Tiền lãi vay đã trả	14		(33.173.798.534)	(43.301.949.295)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.905.462.176)	(7.532.613.180)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		817.920.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.846.657)	(3.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		109.612.001.733	80.132.032.758
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.121.564.953)	(24.599.875.282)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		341.488.750	360.000.200
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(50.000.000.000)	(120.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		50.000.000.000	50.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Tiền thu từ bán các công cụ vốn cho các đơn vị khác	24		-	30.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.867.891.224	1.749.102.385
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.912.184.979)	(92.460.772.697)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		943.378.926.507	1.133.141.125.490
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(993.504.593.309)	(1.141.414.413.728)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(31.551.571.102)	(23.832.361.981)
Tiền trả cổ tức	36		-	(27.676.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(81.677.237.904)	(32.133.326.719)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)			26.022.578.850	(44.462.066.658)
Tiền đầu kỳ	60		49.279.280.881	71.595.361.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		(572.794)	-
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	75.301.286.937	27.133.294.820

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:


 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 La Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 5 công ty con (1/1/2015: 5 công ty con) như sau:

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		30/6/2015	1/1/2015
Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo, thực phẩm chế biến; sản xuất và chế biến sữa; sản xuất bia.	99%	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	98%	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	98%	98%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	99%	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	99%	99%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 1.323 nhân viên (1/1/2015: 1.282 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các qui định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 434 tỷ VND (1/1/2015: 489 tỷ VND). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 21). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Tập đoàn có thể tạo ra đủ dòng tiền từ các hoạt động của mình và việc các ngân hàng tiếp tục duy trì đầy đủ và thích hợp các hạn mức tín dụng nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không tạo đủ dòng tiền và các ngân hàng sẽ không tiếp tục cung cấp đầy đủ các hạn mức tín dụng.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau đây.

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b))
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(s))
- Lợi thế thương mại (thuyết minh 4(l))

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày quyền kiểm soát kết thúc.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 43 năm đến 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(m) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi các khoản chiết khấu bán hàng theo hoá đơn.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

	Nhựa		Thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc 30/6/2015 VND	
Doanh thu bán hàng bên ngoài	676.891.420.718	802.416.595.454	184.109.696.365	127.195.734.041	-	-	861.001.117.083	929.612.329.495
Doanh thu trong bộ phận	445.812.843.889	578.308.731.967	188.043.096	75.612.776	(446.000.886.985)	(578.384.344.743)	-	-
Doanh thu giữa các bộ phận	12.335.769.760	5.655.708.118	258.962.185	121.751.326	(12.594.731.945)	(5.777.459.444)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	34.609.902.225	29.459.379.531	140.310.430	40.471.003	(32.448.226.847)	(26.930.602.746)	2.301.985.808	2.569.247.788
Tổng doanh thu bộ phận	1.169.649.936.592	1.415.840.415.070	184.697.012.076	127.433.569.146	(491.043.845.777)	(611.092.406.933)	863.303.102.891	932.181.577.283
Chi phí bộ phận	(993.265.391.027)	(1.297.678.789.352)	(241.795.420.512)	(214.191.502.810)	426.647.427.422	611.089.799.537	(808.413.384.117)	(900.780.492.625)
Kết quả kinh doanh bộ phận	176.384.545.565	118.161.625.718	(57.098.408.436)	(86.757.933.664)	(64.396.418.355)	(2.607.396)	54.889.718.774	31.401.084.658
Thu nhập khác							2.655.513.964	827.932.125
Chi phí khác							(2.677.096.186)	(386.515.136)
Thuế thu nhập							(51.686.854.410)	(7.389.546.809)
Lợi nhuận sau thuế							3.181.282.142	24.452.954.838

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nợ		Thực phẩm		Tổng	
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn						
Tài sản dài hạn						
Tài sản không phân bổ						
	468.418.755.124	446.065.725.735	102.007.652.261	106.081.577.225	570.426.407.385	552.147.302.960
	980.082.740.170	1.003.026.829.608	255.953.462.882	268.586.588.633	1.236.036.203.052	1.271.613.418.241
	-	-	-	-	50.259.285.913	50.386.907.061
	1.448.501.495.294	1.449.092.555.343	357.961.115.143	374.668.165.858	1.856.721.896.350	1.874.147.628.262
	968.623.325.879	996.198.249.979	85.747.605.619	94.919.442.327	1.054.370.931.498	1.091.117.692.306
	115.499.709.253	129.277.828.695	-	11.247.975.105	115.499.709.253	140.525.803.800
	-	-	-	-	74.953.505.510	33.787.664.209
	1.084.123.035.132	1.125.476.078.674	85.747.605.619	106.167.417.432	1.244.824.146.261	1.265.431.160.315
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn						
Nợ dài hạn						
Nợ không phân bổ						
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433	23.130.934.138	274.562.520	1.468.941.144	4.121.564.953	24.599.875.282
	55.090.484.574	50.348.413.008	13.787.729.869	13.873.290.268	68.878.214.443	64.221.703.276
	3.847.002.433					

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Trong nước	747.501.665.850	700.924.291.775
Xuất khẩu	113.499.451.233	228.688.037.720
	861.001.117.083	929.612.329.495

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong nước	1.856.721.896.350	1.874.147.628.262

6. Tiền

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	4.000.332.083	5.985.754.336
Tiền gửi ngân hàng	71.300.954.854	43.293.526.545
	75.301.286.937	49.279.280.881

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	50.000.000.000	50.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn một năm và hưởng lãi suất năm 7,1%/năm (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 6,5%/năm).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam	35.816.566.162	15.094.733.077
Công ty TNHH nước giải khát Sunstory Pepsico Việt Nam	34.884.376.868	27.980.908.605
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	30.802.504.133	24.216.654.523
Khách hàng khác	91.015.602.822	83.396.798.200
	192.519.049.985	150.689.094.405

9. Hàng tồn kho

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Hàng mua đang đi đường	-	9.489.232.538
Nguyên vật liệu	98.429.798.425	125.111.576.480
Công cụ và dụng cụ	7.045.110.861	4.222.987.903
Sản phẩm dở dang	35.505.765.516	45.493.675.396
Thành phẩm	62.140.696.662	65.202.764.751
Hàng hóa	2.602.337.013	2.498.465.520
Hàng gửi đi bán	1.183.445.820	4.611.375.420
	206.907.154.297	256.630.078.008

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	177.017.805.077	9.856.157.086	1.008.981.976.539	43.137.242.634	1.238.993.181.336
Tăng trong kỳ	103.980.000	159.155.490	1.575.750.816	109.670.568	1.948.556.874
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính Thanh lý	- (58.484.400)	- -	4.486.394.515 -	- (2.080.679.046)	4.486.394.515 (2.139.163.446)
Số dư cuối kỳ	177.063.300.677	10.015.312.576	1.015.044.121.870	41.166.234.156	1.243.288.969.279
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	42.473.413.647	5.562.389.185	452.160.651.137	19.574.781.032	519.771.235.001
Khấu hao trong kỳ	4.719.862.001	632.703.138	40.655.936.114	2.333.798.036	48.342.299.289
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính Thanh lý	- (53.350.769)	- -	2.093.650.776 -	- (996.396.967)	2.093.650.776 (1.049.747.736)
Số dư cuối kỳ	47.139.924.879	6.195.092.323	494.910.238.027	20.912.182.101	569.157.437.330
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	134.544.391.430	4.293.767.901	556.821.325.402	23.562.461.602	719.221.946.335
Số dư cuối kỳ	129.923.375.798	3.820.220.253	520.133.883.843	20.254.052.055	674.131.531.949

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 178.916 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 172.489 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 396.839 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 412.644 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 21(b)(i)).

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	210.013.970.792	51.648.672.248	261.662.643.040
Tăng trong kỳ	-	17.295.620.218	17.295.620.218
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang		2.674.827.770	2.674.827.770
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.486.394.515)	-	(4.486.394.515)
Số dư cuối kỳ	205.527.576.277	71.619.120.236	277.146.696.513
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	53.891.991.578	3.000.733.386	56.892.724.964
Khấu hao trong kỳ	13.708.605.408	2.218.526.772	15.927.132.180
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.093.650.776)	-	(2.093.650.776)
Số dư cuối kỳ	65.506.946.210	5.219.260.158	70.726.206.368
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	156.121.979.214	48.647.938.862	204.769.918.076
Số dư cuối kỳ	140.020.630.067	66.399.860.078	206.420.490.145

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 21(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	297.398.974.953	1.963.931.174	299.362.906.127
Tăng trong kỳ	-	161.572.500	161.572.500
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	297.398.974.953	2.125.503.674	299.524.478.627
Khấu hao trong kỳ			
Số dư đầu kỳ	14.374.024.216	1.815.972.239	16.189.996.455
Khấu hao trong kỳ	1.225.479.594	86.777.884	1.312.257.478
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	15.599.503.810	1.902.750.123	17.502.253.933
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	283.024.950.737	147.958.935	283.172.909.672
Số dư cuối kỳ	281.799.471.143	222.753.551	282.022.224.694

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.457 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 46.693 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 47.285 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 21(b)(i)).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	8.459.453.546	63.407.746.632
Tăng trong kỳ	9.086.847.076	22.504.505.546
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(24.222.493.873)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(2.674.827.770)	(2.707.500.252)
Xóa sổ	-	(52.410.480)
Số dư cuối kỳ	14.871.472.852	58.929.847.573
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:		
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Phần mềm ERP	7.356.980.546	7.356.980.546
Phương tiện vận chuyển	6.993.788.306	570.000.000
Khác	520.704.000	532.473.000
Số dư cuối kỳ	14.871.472.852	8.459.453.546

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	19.070.641.998	12.993.021.952

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	684.712.190	8.824.857.548	9.509.569.738
Tăng trong kỳ	-	8.376.998.848	8.376.998.848
Phân bổ trong kỳ	(515.655.349)	(3.378.921.033)	(3.894.576.382)
Số dư cuối kỳ	169.056.841	13.822.935.363	13.991.992.204

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Lợi nhuận chưa thực hiện	10% - 22%	259.285.913	386.907.061
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	20%	(74.953.505.510)	(33.787.664.209)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(74.694.219.597)	(33.400.757.148)

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	65.930.509.910
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	29.765.094.400
Khấu hao trong kỳ	3.296.525.496
Số dư cuối kỳ	33.061.619.896
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	36.165.415.510
Số dư cuối kỳ	32.868.890.014

17. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Unilever Asia Private Limited	14.830.023.344	12.630.720.593
ACI Chemicals Asia Inc	7.340.949.000	20.466.784.800
Khác	113.669.815.989	100.856.974.439
	135.840.788.333	133.954.479.832

Số dư phải trả người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015 không quá hạn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	938.610.651	25.984.996.990	(23.926.520.990)	2.997.086.651
Thuế nhập khẩu	-	585.615.902	(585.615.902)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	899.225.279	10.393.391.961	(6.905.462.176)	4.387.155.064
Thuế thu nhập cá nhân	954.093.778	4.816.540.883	(5.054.239.286)	716.395.375
	2.791.929.708	41.780.545.736	(36.471.838.354)	8.100.637.090

(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	30/6/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.203.148.191	-	-	20.203.148.191

19. Phải trả

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí lãi vay phải trả	864.142.735	1.082.225.464
Lương và thưởng	4.672.918.599	11.099.157.295
Chi phí quảng cáo	4.197.502.050	5.600.691.896
Chi phí khác	6.758.307.013	5.201.089.271
	16.492.870.397	22.983.163.926

20. Phải trả khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ký quỹ của khách hàng	2.438.364.213	9.108.810.282
Các khoản phải trả khác	2.989.268.614	2.250.361.495
	5.427.632.827	11.359.171.777

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2015 VND	Tăng VND	Giảm VND	30/6/2015 VND
Vay ngắn hạn	800.048.255.808	943.378.926.507	(966.799.212.828)	776.627.969.487
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	50.380.776.000	20.860.499.183	(25.190.388.000)	46.050.887.183
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b)(ii)	45.234.075.043	25.985.216.374	(26.634.376.180)	44.584.915.237
	895.663.106.851	990.224.642.064	(1.018.623.977.008)	867.263.771.907

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Vietcombank	VND	6,0% - 6,5%	293.351.008.453	199.240.811.234
Ngân hàng Vietcombank	USD	3,0% - 3,5%	102.656.010.912	199.256.237.315
Ngân hàng Vietcombank	USD	3,5%	11.253.864.000	-
Ngân hàng Vietcombank	VND	6,5%	34.351.139.227	32.895.204.268
Ngân hàng Vietcombank	VND	6,5%	175.770.737.990	198.332.495.649
Ngân hàng Vietcombank	VND	6,5%	147.757.463.405	147.064.810.342
Ngân hàng Bảo Việt	VND	7,0%	11.487.745.500	23.258.697.000
			776.627.969.487	800.048.255.808

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 103.985 triệu VND và 13.821 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: tài sản cố định hữu hình là 115.449 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 14.032 triệu VND) (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn (i)	96.050.887.183	121.241.275.183
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	110.084.624.490	114.899.379.660
	<hr/> 206.135.511.673	<hr/> 236.140.654.843
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(90.635.802.420)	(95.614.851.043)
	<hr/> 115.499.709.253	<hr/> 140.525.803.800

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng Bảo Việt	VND	12,0%	2016	26.050.887.183	41.241.275.183
Ngân hàng Vietcombank	VND	9,6%	2018	70.000.000.000	80.000.000.000
				<hr/> 96.050.887.183	<hr/> 121.241.275.183
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(46.050.887.183)	(50.380.776.000)
				<hr/> 50.000.000.000	<hr/> 70.860.499.183

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 292.854 triệu VND và 32.872 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: tài sản cố định hữu hình là 297.195 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 33.253 triệu VND) (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Bảo Việt phải trả 15 tỷ VND trong năm 2015 và phần còn lại trong năm 2016.

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam phải trả trong 4 năm bằng nhau, mỗi năm trả 20 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào năm 2018.

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính như sau:

	30/6/2015 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	52.520.481.076	7.935.565.839	44.584.915.237
Từ hai đến năm năm	70.982.674.470	5.482.965.217	65.499.709.253
	123.503.155.546	13.418.531.056	110.084.624.490
	1/1/2015 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	54.818.167.184	9.584.092.141	45.234.075.043
Từ hai đến năm năm	77.855.776.730	8.190.472.113	69.665.304.617
	132.673.943.914	17.774.564.254	114.899.379.660

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 1.811 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 1.461 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	57.667.102.902	2.409.778.278	646.355.772.984
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	23.218.662.085	1.234.292.753	24.452.954.838
Phân loại lại từ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	320.052.450	-	-	30.000.000	320.052.450
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu từ Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	-	30.000.000
Hoàn nhập có tức (thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	26.125.039.000	-	26.125.039.000
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	107.010.803.987	3.674.071.031	697.283.819.272
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(88.088.000.000)	-	-	-	(1.796.403.392)	1.317.052.067	(479.351.325)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(88.088.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(7.393.476.472)	7.393.476.472	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	97.820.924.123	12.384.599.570	608.716.467.947
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.930.788.239	(749.506.097)	3.181.282.142
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	17.090.050.395	(17.090.050.395)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	118.841.762.757	(5.454.956.922)	611.897.750.089

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.004.078)	(88.088.780.000)	(4.004.078)	(88.088.780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	48.245.922	434.411.220.000	48.245.922	434.411.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2014, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã phán quyết việc Công ty mua lại 4.004.000 cổ phiếu quỹ từ Red River Holding với giá 22.000 VND một cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ này đã được mua lại vào tháng 12 năm 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	32,80%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20,20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	19,87%
Red River Holding	1.633.874	3,39%
Cổ đông khác	11.455.766	23,74%
	48.245.922	100%

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

25. Cổ tức

Trong kỳ, Tập đoàn không công bố cổ tức (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: hoàn nhập cổ tức là 26.125.039.000 VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	518.831	11.290.677.907	363.547	7.769.362.937
EUR	6.955	168.912.425	1.003	26.002.942

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	867.087.285.516	930.710.159.069
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.494.411.096)	(216.937.413)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.591.757.337)	(880.892.161)
	(6.086.168.433)	(1.097.829.574)
Doanh thu thuần	861.001.117.083	929.612.329.495

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Hàng hóa đã bán	615.125.699.441	700.653.880.438

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	1.867.891.224	1.749.102.385
Lãi chênh lệch tỷ giá	434.094.584	820.145.403
	2.301.985.808	2.569.247.788

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	32.955.715.805	41.838.282.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.080.091.895	1.574.529.698
Khác	-	45.000.000
	37.035.807.700	43.457.811.988

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	35.442.630.510	29.525.620.842
Chi phí nguyên vật liệu	685.256.243	771.194.812
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.381.685.877	1.600.686.043
Chi phí khấu hao	264.424.497	314.200.315
Chi phí hàng hóa hư hỏng	466.341.556	173.946.118
Chi phí vận chuyển	31.443.215.609	22.958.794.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.168.504.902	8.097.544.046
Chi phí quảng cáo	17.740.380.584	12.581.727.802
Chi phí khuyến mãi	7.380.860.656	12.307.065.050
Chi phí trưng bày sản phẩm	8.441.012.683	19.451.113.750
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	1.313.823.772	1.822.252.392
Khác	4.424.579.603	5.828.885.218
	119.152.716.492	115.433.031.166

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	20.134.994.299	23.600.823.317
Chi phí thiết bị văn phòng	296.165.519	332.874.865
Chi phí khấu hao	5.112.024.639	5.672.669.411
Phí và lệ phí	194.988.969	82.824.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.678.618.376	4.771.755.513
Khác	7.682.368.682	6.774.821.293
	37.099.160.484	41.235.769.033

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Thu nhập thanh lý phế liệu	2.655.513.964	827.932.125

34. Chi phí khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	747.926.960	231.708.216
Chi phí khác	1.929.169.226	154.806.920
	2.677.096.186	386.515.136

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	411.141.543.097	453.173.989.607
Chi phí nhân công và nhân viên	94.996.346.391	85.991.831.053
Chi phí khấu hao và phân bổ	68.878.214.443	64.221.703.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.804.681.713	77.001.559.989
Chi phí khác	57.347.682.485	82.554.152.747

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	7.724.858.839	7.038.193.336
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	2.668.533.122	258.734.371
	10.393.391.961	7.296.927.707
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	41.293.462.449	92.619.102
	51.686.854.410	7.389.546.809

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.868.136.552	31.842.501.647
Thuế theo thuế suất Công ty	12.070.990.041	7.005.350.362
Ưu đãi thuế	(3.239.694.128)	(7.900.277.591)
Ảnh hưởng của các lãi suất khác nhau	27.733.129.165	(5.618.193.054)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.425.179.384	681.175.036
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	2.668.533.122	258.734.371
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	11.028.716.826	12.962.757.685
	51.686.854.410	7.389.546.809

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần sữa và bánh kẹo Hoàng Đế có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 22% cho các năm tiếp theo và được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 4 năm tiếp theo.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	3.930.788.239	23.218.662.085

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
		Chưa soát xét
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	48.245.922	52.249.922

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

38. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Tập đoàn hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	71.300.954.854	43.293.526.545
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi kỳ hạn)	(ii)	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	203.360.016.506	158.991.988.435
		<hr/>	<hr/>
		324.660.971.360	252.285.514.980

(ii) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tin dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	17.569.922.973	20.228.226.821
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	6.929.043.284	5.367.120.243
Quá hạn trên 180 ngày	4.778.907.747	4.272.331.416
	<hr/>	<hr/>
	29.277.874.004	29.867.678.480

Không có biến động dự phòng phải thu khó đòi trong giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 2014.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	159.335.563.520	159.335.563.520	159.335.563.520	-	-
Vay ngắn hạn	776.627.969.487	809.487.198.511	809.487.198.511	-	-
Vay dài hạn	96.050.887.183	116.714.604.841	53.274.604.841	24.800.000.000	38.640.000.000
Nợ thuế tài chính	110.084.624.490	123.503.155.546	52.520.481.076	44.971.047.039	26.011.627.431
	1.142.099.044.680	1.209.040.522.418	1.074.617.847.948	69.771.047.039	64.651.627.431

Ngày 1 tháng 1 năm 2015

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	170.728.096.568	170.728.096.568	170.728.096.568	-	-
Vay ngắn hạn	800.048.255.808	830.408.837.376	830.408.837.376	-	-
Vay dài hạn	121.241.275.183	154.176.731.860	76.550.730.059	33.706.001.801	43.920.000.000
Nợ thuế tài chính	114.899.379.660	132.673.943.914	54.818.167.184	42.877.634.969	34.978.141.761
	1.206.917.007.219	1.287.987.609.718	1.132.505.831.187	76.583.636.770	78.898.141.761

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	USD	USD
Tiền	518.831	363.547
Phải thu khách hàng	702.865	537.095
Tài sản ngắn hạn khác	-	6.000
Phải trả người bán	(2.168.215)	(2.796.095)
Vay ngắn hạn	(4.700.367)	(9.322.802)
Nợ thuê tài chính	(84.743)	(68.345)
Phải trả khác	-	(377.827)
	(5.731.629)	(11.658.427)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày			
	30/6/2015		1/1/2015	
	VND	VND	VND	VND
	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
1 USD	21.840	21.780	21.371	21.405

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo là không đáng kể. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi kỳ hạn)	50.000.000.000	50.000.000.000
Nợ thuê tài chính	(110.084.624.490)	(114.899.379.660)
	<hr/>	<hr/>
	(60.084.624.490)	(64.899.379.660)
<hr/>		
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền	71.300.954.854	43.293.526.545
Vay ngắn hạn	(776.627.969.487)	(800.048.255.808)
Vay dài hạn	(96.050.887.183)	(121.241.275.183)
	<hr/>	<hr/>
	(801.377.901.816)	(877.996.004.446)
	<hr/>	<hr/>

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm sẽ làm giảm 6.251 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (2014: 7.145 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

39. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Nguyên giá của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang được Tập đoàn thuê lại dưới dạng thuê tài chính	24.371.031.715	-
Thuế giá trị gia tăng của tài sản cố định được Tập đoàn thuê lại dưới dạng thuê tài chính	2.365.784.217	-
Hoàn nhập cổ tức	-	26.125.039.000

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan.

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lương và trợ cấp kinh doanh	10.187.499.230	10.237.009.230

41. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2015, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ 32.228.000 cổ phần tương đương 99,16% quyền sở hữu của mình trong Công ty cổ phần Sữa & Bánh Kẹo Hoàng Đế, một công ty con, cho các cá nhân với giá 57.280.000.000 VND thanh toán bằng tiền.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Số liệu so sánh

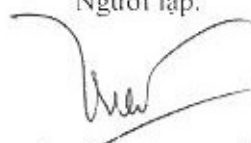
Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do đó, việc trình bày một số diễn giải trong báo cáo tài chính có sự thay đổi. Một số số liệu so sánh cụ thể tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 200 và Thông tư 202 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Dầu tư ngắn hạn	-	50.000.000.000
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	10.973.114.162	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	10.973.114.162

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đông Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

